

Bản án số: 05 /2019/HNGĐ-PT

Ngày: 18 /01/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Vân Anh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Linh
Bà Trần Thị Thanh Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Tuyết Nhung- Thư ký TAND
thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà
Dương Thị Xuân Cảnh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 18 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 230/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19/12/2018 về việc: “ *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân gia đình số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 07/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức T** - sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 50 phố L, phường T, quận H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do (*Có mặt*).

Bị đơn: Chị **Nguyễn Lan A**- sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 50 phố L, phường T, quận H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do(*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh và chị Nguyễn Lan A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2007 tại

UBND phường T, quận M, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại số 50 phố L, quận H, Hà Nội là nhà bố mẹ anh T.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Lan A chơi cờ bạc, lơ đãng làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình có rất nhiều chủ nợ đến nhà đòi nợ, mẹ anh đã phải trả nợ thay cho chị Lan A rất nhiều lần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay mặc dù sống trong một nhà.

Năm 2017, mẹ đẻ anh anh và mẹ đẻ chị Lan A mỗi người phải trả nợ thay cho chị Lan A 350.000.000 đồng cho ngân hàng để lấy sổ đỏ về trả cho mẹ chị Lan A, thỉnh thoảng vẫn có người đến đòi nợ chị Lan A và đổ bần vào nhà làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và hàng xóm xung quanh.

Ngày 14/3/2018 anh và chị Lan A đã ký đơn thuận tình ly hôn, nhưng sau đó do chị Lan A thay đổi không đồng ý thuận tình ly hôn nên anh đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận H xin ly hôn chị Lan A để ổn định cuộc sống,

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là:

1. Nguyễn Quỳnh H sinh ngày 11/8/2003
2. Nguyễn Đức Q sinh ngày 20/4/2012.

Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Lan A cũng có nguyện vọng nuôi hai con thì anh cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000 đồng / tháng kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nhà 50 Phố L là nhà của bố mẹ anh, quá trình ở đây vợ chồng anh không có công sức đóng góp gì. Sau khi ly hôn, vợ chồng sẽ tự lo chỗ ở khác.

Anh tự nguyện hỗ trợ cho chị Lan A 1.500.000 đồng/ tháng tiền thuê nhà trong thời hạn một năm là 18.000.000 đồng, kể từ khi có quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu chị Lan A không chấp nhận thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ.

Bị đơn - Chị Nguyễn Lan A trình bày: Về điều kiện kết hôn như anh T trình bày trên là đúng. Chị xác nhận có chơi lô đề và đặt sổ đỏ của mẹ chị cho Ngân hàng để vay tiền. Xong đã được mẹ đẻ và mẹ chồng chị hỗ trợ trả nên đã lấy được sổ đỏ về. Song theo chị do anh T không có trách nhiệm với gia đình một mình chị phải lo liệu hết. Chị công nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay, hơn một năm nay chị và anh T ăn riêng, song chị không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày như trên. Nếu phải ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 2.000.000 đồng / tháng chị đồng ý nhưng phải cấp dưỡng một lần.

Về tài chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Đối với nhà số 50 phố L là của bố mẹ anh T, nếu phải ly hôn, chị yêu cầu anh T hỗ trợ một lần cho chị tiền thuê nhà trong hai năm là 72.000.000 đồng, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ.

Tại bản án số 314/2018/HNGĐ-ST ngày 26/10/2018 Tòa án nhân dân quận H đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T đối với chị Nguyễn Lan A. Anh T được ly hôn chị Lan A.

2. Về con chung: Anh chị có hai con chung là:

Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 11/8/2003

Nguyễn Đức Q, sinh ngày 20/4/2012.

Sau ly hôn, giao cho chị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H và cháu Nguyễn Đức Q.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

+ Động sản: Anh chị không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

+ Về bất động sản: Nhà số 50 phố L, quận H, Hà Nội là của bố mẹ anh T. Sau khi ly hôn anh chị tự lo chỗ ở, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên tòa không xét.

4. Về công nợ chung: Anh T và chị Lan A không vay nợ ai, không ai vay nợ, anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa không xét.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T hỗ trợ cho chị Lan A một năm tiền thuê nhà là 24.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án, ngày 05/11/ 2018, chị Lan A có đơn kháng cáo xin được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, chị Lan A không rút đơn kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục kể từ khi thụ lý vụ án đến khi trước thời gian nghị án.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị Lan A làm trong hạn luật định là hợp lệ, chị Lan A kháng cáo xin được đoàn tụ xét thấy bản án sơ thẩm đã xem xét và quyết định cho anh T được ly hôn chị Lan A là đúng, và quyết định về con cái và tài sản, chị Lan A không xuất trình thêm tài liệu chứng mới, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của chị Lan A, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Chị Lan A phải chịu án phí LHPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, qua nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy :

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền.

Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Lan A làm trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn nên được xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Lan A: Chị Lan A kháng cáo xin được đoàn tụ, Hội đồng xét xử thấy:

Vợ chồng anh T và chị Lan A có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2017 tại UBND phường Trương Định, quận Hoàng M, Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân (từ năm 2015 đến nay), đã hơn một năm nay vợ chồng ăn riêng, không ai quan tâm đến ai, chính chị Lan A cũng đã xác nhận điều này và còn ký vào đơn thuận tình ly hôn trước khi anh T gửi đơn đến tòa án xin ly hôn. Chị Lan A, không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm, anh T xác định không còn tình cảm với chị Lan A, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của chị Lan A là xin được đoàn tụ. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T để xử cho anh T được ly hôn chị Lan A là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là:

Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 11/8/2003

Nguyễn Đức Q, sinh ngày 20/4/2012.

Chị Lan A có nguyện vọng được nuôi cả hai con, anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi con là 2.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy chị Lan A vẫn giữ nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con, song chính anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000 đồng/ tháng nên án sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện này của anh T, sự tự nguyện này không trái pháp luật cần giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về phần này.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên án sơ thẩm đã không xem xét giải quyết là đúng.

Vợ chồng tự lo chỗ ở sau ly hôn, không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa không xét là đúng.

Về việc anh T tự nguyện hỗ trợ chị Lan A tiền thuê nhà là 24.000.000 đồng không trái pháp luật án sơ thẩm đã ghi nhận là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lan A không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Từ các phân tích trên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của chị Lan A, giữ nguyên các quyết định của án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lan A, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị Lan A phải chịu án phí phúc thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: - *Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự* ;
- *Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.*

Không chấp nhận yêu cầu kháng của chị Nguyễn Lan A, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 31/2018/LHST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T đối với chị Nguyễn Lan A. Anh T được ly hôn chị Lan A.

2. Về con chung: Anh chị có hai con chung là:

Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 11/8/2003

Nguyễn Đức Q, sinh ngày 20/4/2012.

Sau ly hôn, giao cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H và cháu Nguyễn Đức Q.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

+ Động sản: Anh chị không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

+ Về bất động sản: Nhà số 50 phố L, quận H, Hà Nội là của bố mẹ anh T. Sau khi ly hôn anh chị tự lo chỗ ở, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên tòa không xét.

4. Về công nợ chung: Anh T và chị Lan A không vay nợ ai, không ai vay nợ, anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa không xét.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T hỗ trợ cho chị Lan A một năm tiền thuê nhà là 24.000.000 đồng.

6. Về án phí : Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 02262 ngày 03/5/2018 tại chi cục thi hành án dân sự quận H. Chị Nguyễn Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị Lan A đã nộp tại biên lai số 02690 ngày 14/11/2018 tại Chi cục thi hành án quận H.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/ 01/2019).

Nơi nhận :

- VKSNDTP Hà Nội ;
- Tòa án ND quận H;
- VKSND quận H;
- THA quận H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

